

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ

Mẫu số: 06/QTr-MGT
(Ban hành kèm theo Quyết định số
749/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục
trưởng Tổng cục Thuế)

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ

Kỳ báo cáo: tháng ... năm...

Đơn vị tính: triệu (VNĐ)

ST T	Trường hợp miễn thuế, giảm thuế	Trong kỳ báo cáo										Lũy kế														Gh i ch ú
		HS đề nghị MG của NNT				Kết quả giải quyết miễn, giảm thuế				Chuyển kỳ sau		HS đề nghị MG của NNT				Kết quả giải quyết miễn, giảm thuế				Chuyển kỳ sau						
		Số lượn g hồ sơ	Số thuế đề nghị miễn, giảm	Trong đó		Không thuộc trườn g hợp được miễn giảm	Trường hợp được miễn giảm		Số thuế đề nghị miễn, giảm			Trong đó		Không thuộc trườn g hợp được miễn giảm	Trường hợp được miễn giảm											
				Kỳ trước chuyển sang	Trong kỳ		Số lượn g hồ sơ	Số tiền thu ế				Số lượn g hồ sơ	Số thuế đượ c miễn được miễn		Số thuế khôn g được miễn	Kỳ trước chuyển sang	Trong kỳ	Số lượn g hồ sơ	Số tiền thu ế			Số lượn g hồ sơ	Số thuế đượ c miễn được n.	Số thuế khôn g được		
		Số lượn g hồ sơ	Số tiền	Số lượn g hồ sơ	Số tiền	Số lượn g hồ sơ	Số tiền	Số lượn g hồ sơ	Số tiền	Số lượn g hồ sơ	Số tiền	Số lượn g hồ sơ	Số tiền	Số lượn g hồ sơ	Số tiền	Số lượn g hồ sơ	Số tiền	Số lượn g hồ sơ	Số tiền	Số HS	Số thuế	Số HS	Số thuế			

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT, tên bộ phận lập viết tắt

Ghi chú:

I. Trong kỳ báo cáo:

- Cột (5), (6) - Là số lượng các văn bản đề nghị miễn giảm thuế của NNT chưa có Quyết định và chưa có Thông báo thuộc diện không được miễn giảm thuế và số tiền đề nghị miễn giảm thuế tương ứng của kỳ trước chuyển sang (là số liệu chuyển kỳ sau của tháng trước liền kề tháng báo cáo (Cột (14), (15) chuyển sang)

- Cột (14), (15) - Là số lượng các văn bản đề nghị miễn giảm thuế của NNT chưa có Quyết định và chưa có Thông báo thuộc diện không được miễn giảm thuế đến hết kỳ báo cáo và số tiền đề nghị miễn giảm thuế tương ứng. Số liệu này được tổng hợp trên cơ sở “số liệu kỳ trước chuyển sang” + “số liệu nhận trong kỳ” - “số liệu đã giải quyết trong kỳ”. Cụ thể:

+ Số lượng hồ sơ chuyển kỳ sau (Cột 14) = Tổng số hồ sơ nhận trong kỳ (Cột 3) (số lượng hồ sơ kỳ trước chuyển sang (Cột 5) + Số lượng hồ sơ nhận trong kỳ (Cột 7)) - Số lượng hồ sơ không thuộc trường hợp được miễn giảm thuế (Cột 9) - Số lượng hồ sơ được giải quyết miễn giảm thuế (Cột 11)

+ Số tiền thuế chuyển kỳ sau (Cột 15) = Tổng số tiền thuế đề nghị miễn giảm (Cột 4) (Số tiền thuế kỳ trước chuyển sang (Cột 6) + Số tiền thuế nhận trong kỳ (Cột 8)) - Số tiền thuế không thuộc trường hợp được miễn giảm thuế (Cột 10) - Số tiền thuế được giải quyết miễn giảm (Cột 12) - Số tiền thuế không được miễn giảm (Cột 13)

II. Lũy kế:

- Cột (18), (19) - Là số lượng các văn bản đề nghị miễn giảm của NNT chưa có Quyết định và chưa có Thông báo thuộc diện không được miễn giảm thuế của quý trước của năm báo cáo và số tiền thuế đề nghị miễn giảm tương ứng.

- Cột (27), (28) - Là số lượng các văn bản đề nghị miễn giảm thuế của NNT chưa có Quyết định hoặc chưa có Thông báo thuộc diện không được miễn giảm (số lũy kế) đến hết kỳ báo cáo và số tiền đề nghị miễn giảm thuế tương ứng.